

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2022

*Về việc: “Tranh chấp
chia tài sản sau ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch.

2. Bà Thị A Mi Na.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc :“Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chờa H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ A, ấp Tân Tr B, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Vương Sơn H, sinh năm 1984 – có mặt.

Địa chỉ: Tổ 16, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Chàm H S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ A, ấp Tân Tr B, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chàm L, sinh năm 1962 – vắng mặt.

2. Chị Thị Ro Ph N, sinh năm 1976 – vắng mặt.

3. Chị Sa Fi M C, sinh năm 1978 – vắng mặt.

4. Chị Thị Ty H, sinh năm 1984 – vắng mặt.

5. Chị Thị Quà Ry Gi, sinh năm 1992 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp Tân Tr B, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền và qua lời trình bày trong quá trình giải quyết như sau:**

Trước đây là vợ chồng nhưng sau đó thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 264/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10-7-2020. Khi vợ chồng còn sống chung có tạo dựng 01 căn nhà cất trên phần đất cha chị cho để ở chứ không cho luôn vào năm 2015. Giá trị xây dựng toàn bộ căn nhà là 78.000.000 đồng, vợ chồng bỏ tiền, công sức xây dựng nên căn nhà. Năm 2016 đến năm 2018, chị đi xuất cảnh nước ngoài hợp tác lao động tại nước Ả - Rập - Xê - Út có gửi tiền về Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Tân Châu cho anh Chàm H S rút tiền để tiếp tục xây dựng 01 (Một) phần căn nhà thành chữ L với số tiền là 22.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn vào tháng 7-2020, đến tháng 10-2020 chị vay tiền Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh – chi nhánh Tân Châu số tiền 20.000.000 đồng để tô tường bên ngoài, chưa tô tường bên trong. Tổng cộng số tiền vợ chồng xây dựng trong thời kỳ chung sống là hơn 100.000.000 đồng. Tháng 10-2020 chị bỏ thêm số tiền riêng là 20.000.000 đồng để sửa chữa căn nhà, không có công sức của anh S. Trong lúc anh chị cất nhà trên đất của cha ruột chị thì cha ruột chị có biết do chị có xin phép.

Nay chị H có yêu cầu chia tài sản chung như sau: Do tài sản này cất trên đất ông Chàm L qua Biên bản định giá ngày 21-4-2022 là 134.717.600 đồng yêu cầu trừ đi số tiền chị H vay 20.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn lại chia $\frac{1}{2}$ và chị H đề nghị giữ toàn bộ tài sản nhà, công trình phụ và giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh Chàm H S là 57.358.800 đồng với điều kiện anh S phải di dời vật dụng cá nhân, giao lại căn nhà cho chị H sau khi có bản án của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, không đồng ý thỏa thuận với anh S. Chi phí xem xét thẩm định, định giá chị H tự nguyện chịu.

*** Đối với bị đơn anh Chàm H S trình bày:**

Anh nghe rõ lời trình bày của đại diện của chị Chà H. Việc chị H đề nghị khấu trừ 20.000.000đ vào tài sản chung và sau đó chia $\frac{1}{2}$ thì ý kiến anh đồng ý. Anh đề nghị chị H giao tiền 57.358.800 đồng xong thì anh S sẽ giao lại tài sản trên đất cho chị Chà H quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Chàm L:

Khi vợ chồng chị H, anh S chung sống thì không có nơi ở nên ông cho cất căn chòi nhỏ cất trên đất diện tích 5.040m² của ông địa chỉ: Tổ A, ấp Tân Tr B,

xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Năm 2015, vợ chồng chị H có xin ông cất 01 căn nhà tường để ở cất trên phần đất của ông và ông đồng ý nhưng không cho đất luôn, ông không biết giá trị xây dựng căn nhà.

Nay chị H có yêu cầu chia tài sản chung là phần tài sản căn nhà cho vợ chồng, ý kiến ông đề nghị tòa án giải quyết căn nhà, còn đất là của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Thị Ro Ph N, chị Sa Fi M C, chị Thị Ty H, chị Thị Quà Ry Gi:

Ông Chàm L là cha ruột được Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.040m² của ông Địa chỉ: Tổ A, ấp Tân Tr B, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 21-9-1998. Đây là tài sản của ông Chàm L nên các chị không tranh chấp, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 21-4-2022 thể hiện:

- Nhà cấp 4 diện tích 67,76m², có giá trị 3.230.000đ/m² sau khi giảm trừ (không tô trát hoàn thiện, không có la phong, không có vệ sinh trong nhà) còn lại là 2.595.500đ/m², khấu hao giá trị sử dụng 40%, còn lại 60%, được tính như sau: 2.595.500đ x 60% x 67,76m² = 105.522.000 đồng;

- Nhà vệ sinh, nhà tắm diện tích 4,76m², có giá trị 2.450.000 đồng x 4,76m² = 11.662.000 đồng;

- Mái che diện tích 35,2m², có giá trị 498.000đ/m² x 35,2m² = 17.529.600 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản là 134.717.600 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án:

+ Về tài sản chung: Xét nguồn gốc tài sản chung và công sức đóng góp qua lời khai của các đương sự cho thấy phần tài sản là do chị H, anh S cùng tạo lập nên và trong quá trình giải quyết anh chị thống nhất chị H giữ tài sản và giao lại giá trị là 57.358.800 đồng cho anh S nhưng không thống nhất về phương thức giao nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao tài sản cho chị H quản lý, sử dụng, buộc chị H có nghĩa vụ giao cho anh S số tiền giá trị tài sản tương ứng là 57.358.800 đồng.

+ Về án phí: Chị H, anh S chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự (ông Chàm L, chị Thị Ro Ph N, chị Sa Fi M C, chị Thị Ty H, chị Thị Quà Ry Gi) có Đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] **Về tài sản chung:**

Về yêu cầu chia tài sản chung của chị H và lời trình bày của anh S, chị H về nguồn gốc tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

+ Anh chị thống nhất phần tài sản trên phần đất diện tích 5.040m² của ông Chàm L tại Địa chỉ: Tổ A, ấp Tân Tr B, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung vợ chồng. Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 21-4-2022 thể hiện: Tổng giá trị tài sản (nhà cấp 4; nhà vệ sinh; nhà tắm, mái che) là 134.717.600 đồng. Anh chị thống nhất chị H giữ tài sản và giao lại giá trị là 57.358.800 đồng cho anh S nhưng không thống nhất về phương thức giao nhận. Xét thấy việc thực hiện biện pháp giao nhận tài sản giữa chị H, anh S không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao tài sản (nhà cấp 4; nhà vệ sinh; nhà tắm, mái che) cho chị H quản lý, sử dụng. Buộc chị H có nghĩa vụ giao cho anh S số tiền giá trị tài sản tương ứng là 57.358.800 đồng là phù hợp.

[3] **Chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là 2.500.000 đồng, chị H tự nguyện chịu cần ghi nhận.

[4] **Về án phí:** Chị Chòa H, anh Chàm H S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, 37, 38, 39, 40, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chòa H đối với anh Chàm H S về việc yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sau ly hôn.

Chị Chòa H được quyền quản lý, sử dụng các tài sản (nhà cấp 4; nhà vệ sinh; nhà tắm, mái che) trên phần đất diện tích 5.040m² tại địa chỉ: Tổ 27, ấp Tân Trung B, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Buộc chị Chòa H có nghĩa vụ giao cho anh Chàm H S số tiền giá trị tài sản tương ứng là 57.358.800 (Năm mươi bảy triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày anh Chàm H S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Chòa H chưa thi hành xong đối với các số tiền nêu trên thì hàng tháng chị Chòa H còn

phải trả thêm cho anh Chàm H S khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Chi phí tố tụng: Ghi nhận chị Chòa H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng, chị H đã nộp xong.

3. Về án phí:

Anh Chàm H S phải chịu 2.867.900 (Hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Chòa H phải chịu 2.867.900 (Hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007126 ngày 03-3-2022. Chị Chòa H còn phải nộp tiếp số tiền 2.367.900 (Hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm) đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có mặt làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu (Hi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Hiếu